

Số: 40/2011/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày 16 tháng 12 năm 2011

NGHỊ QUYẾT

**Về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 13/2009/NQ-HĐND
ngày 23/7/2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh về cơ chế, chính
sách hỗ trợ các dự án chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi
trong vùng sản xuất hàng hoá tập trung đến năm 2015**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
KHOÁ XVII, KỲ HỌP THỨ 3**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003; Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Quyết định số 142/2009/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 183/2010/TTLT-BTC-BNN ngày 15 tháng 11 năm 2010 của liên Bộ: Bộ Tài Chính - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cấp đối với hoạt động khuyến nông;

Xét Tờ trình số 75/TTr-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 13/2009/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về cơ chế, chính sách hỗ trợ các dự án chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trong vùng sản xuất hàng hoá tập trung đến năm 2015; Báo cáo thẩm tra số 43/BC-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,



QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 13/2009/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về cơ chế, chính sách hỗ trợ các dự án chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trong vùng sản xuất hàng hoá tập trung đến năm 2015 như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục I “Danh mục và quy mô chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi trong vùng sản xuất hàng hóa tập trung” (chi tiết có Phụ lục I kèm theo).

2. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục II “Quy mô của dự án trong vùng sản xuất hàng hoá tập trung” (Chi tiết có Phụ lục II kèm theo).

3. Sửa đổi, bổ sung Mục 7 như sau:

“ 7. Hỗ trợ đầu tư

7.1. Về cây trồng: Hỗ trợ một lần giá trị giống, cụ thể cho từng loại cây trồng sau:

a) Cây lúa chất lượng cao, cây lạc, cây đậu tương, cây rau: hỗ trợ một lần cho sản xuất vụ đầu. Mức hỗ trợ tối đa cho cây lúa chất lượng cao 1.700.000 đồng/ha; cây lạc 6.000.000 đồng/ha; cây đậu tương 1.300.000 đồng/ha; rau (khoai tây 18.000.000 đồng/ha; cà chua 4.000.000 đồng/ha; rau khác 4.300.000 đồng/ha).

b) Cây cam, cây bưởi và cây chuối: Hỗ trợ một lần đối với trồng mới cho sản xuất vụ đầu. Mức hỗ trợ tối đa cho cây cam 11.000.000 đồng/ha; bưởi 6.600.000 đồng/ha và cây chuối 5.200.000 đồng/ha.

7.2. Về vật nuôi: Hỗ trợ một lần cho tổ chức, cá nhân chăn nuôi trong vùng sản xuất hàng hóa tập trung, cụ thể:

a) Chăn nuôi lợn:

- Chăn nuôi lợn sinh sản: Mức hỗ trợ tối đa 1.500.000 đồng/con lợn nái sinh sản; 3.000.000 đồng/con lợn đực giống ngoại (đủ tiêu chuẩn giống theo quy định).

- Chăn nuôi lợn thịt hướng nạc: mức hỗ trợ tối đa 200.000 đồng/con.

b) Chăn nuôi trâu, bò:

- Hỗ trợ kinh phí giám định, bình tuyển chất lượng đàn trâu, bò đực; trâu, bò cái sinh sản phục vụ công tác cải tạo, nâng cao chất lượng đàn trâu, bò. Mức hỗ trợ 10.000 đồng/con.

- Hỗ trợ mua trâu, bò đực giống (đủ tiêu chuẩn giống theo quy định): Mức hỗ trợ tối đa 10.000.000 đồng/con trâu, 7.000.000 đồng/con bò.

- Hỗ trợ chăn nuôi trâu, bò (trâu, bò cái sinh sản; trâu, bò thương phẩm): Mức hỗ trợ tối đa 2.000.000 đồng/con; trồng mới cỏ cho chăn nuôi trâu, bò, mức hỗ trợ tối đa 15.000.000 đồng/ha.

c) Chăn nuôi gia cầm (gà, vịt, ngan, ngỗng):

- Gia cầm sản xuất giống: Hỗ trợ một lần tối đa 20.000 đồng/con.

7.3. Về nuôi trồng thủy sản.

a) Đối với nuôi thủy sản bằng lồng trên mặt nước lớn (sông, hồ thủy điện Tuyên Quang, hồ thủy lợi có diện tích mặt nước từ 05 ha trở lên). Hỗ trợ một lần giá trị về giống, mức hỗ trợ tối đa 600.000 đồng/lồng đối với lồng nuôi cá truyền thống; 1.600.000 đồng/lồng đối với lồng nuôi cá đặc sản (cá Chiên, cá Bống).

b) Đối với nuôi cá ruộng: hỗ trợ một lần giá trị về giống cho sản xuất vụ đầu. Mức hỗ trợ tối đa 4.500.000 đồng/ha.

c) Đối với nuôi cá ở eo ngách trên hồ thủy điện Tuyên Quang (có diện tích mặt thoáng từ 03 ha trở lên): Hỗ trợ một lần giá trị về giống, mức hỗ trợ tối đa 7.000.000 đồng/ha, nhưng không quá 70.000.000 đồng/eo ngách.

7.4. Về thiệt hại do sâu bệnh, dịch bệnh, thiên tai.

Nhà nước hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân thực hiện dự án chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trong vùng sản xuất hàng hoá tập trung bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh theo quy định tại Quyết định 142/2009/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh”.

4. Sửa đổi khoản 8.1, bổ sung khoản 8.2 Mục 8 như sau:

“8. Về khuyến nông

8.1. Kinh phí tập huấn, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật cho người sản xuất vận dụng theo mức hỗ trợ quy định tại Khoản 1, Điều 5, Thông tư liên tịch số 183/2010/TTLT-BTC-BNN ngày 15 tháng 11 năm 2010 của liên Bộ: Tài Chính - Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cấp đối với hoạt động khuyến nông.

Số lượng người được tập huấn: 100% số chủ dự án và chủ hộ thực hiện dự án.

8.2. Hỗ trợ chi phí quản lý dự án: Mức hỗ trợ bằng 2% kinh phí ngân sách cấp cho thực hiện dự án, tối đa 10.000.000 đồng/dự án trong đó: UBND huyện, thành phố 1%, UBND xã 1%. Nếu chủ dự án là tổ chức thì hỗ trợ thêm 1% cho chủ dự án, mức hỗ trợ tối đa 5.000.000 đồng/dự án”.

5. Sửa đổi Mục 10 như sau:

“10. Hỗ trợ xúc tiến thương mại

10.1. Hỗ trợ một lần kinh phí xây dựng thương hiệu, đăng ký chất lượng sản phẩm (khi sản phẩm được công nhận). Mức hỗ trợ tối đa 100.000.000 đồng.

10.2. Hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh trong vùng sản xuất hàng hoá tập trung chi phí thuê gian hàng khi tham gia Hội chợ triển lãm, giới thiệu sản phẩm của vùng sản xuất hàng hoá tập trung trên địa bàn. Mức hỗ trợ tối đa 4.000.000 đồng/lần/năm đối với hội chợ cấp tỉnh tổ chức, 10.000.000

đồng/lần/năm đối với hội chợ ngoại tỉnh, hỗ trợ tham gia hội chợ quốc tế tùy theo chương trình cụ thể được cấp có thẩm quyền phê duyệt”.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai, tổ chức thực hiện Nghị quyết này có hiệu quả và theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khoá XVII, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 16 tháng 12 năm 2011./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Các Sở, ban, ngành liên quan;
- Chánh, Phó VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Công báo Tuyên Quang;
- Lưu: VT, CV.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Sáng Vang

Phụ lục I
DANH MỤC VÀ QUY MÔ
Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trong vùng sản xuất
hàng hoá tập trung

TT	Loại cây trồng, vật nuôi	ĐVT	Quy mô vùng	Điều kiện khác
A	CÂY TRỒNG			
1	Cây lạc	ha	>50	
2	Cây đậu tương	ha	>50	
3	Cây cam	ha	>20	
4	Cây bưởi	ha	> 20	
5	Cây chuối	ha	>50	
6	Rau	ha	>20	
7	Cây lúa chất lượng	ha	>200	
B	VẬT NUÔI			
1	Giống lợn nái sinh sản	con	từ 30 trở lên	Chủ đầu tư (hộ gia đình, cá nhân, HTX, Doanh nghiệp nuôi theo hình thức tập trung không hỗ trợ nuôi theo nhóm hộ
2	Giống trâu, bò	con	từ 15 trở lên	
3	Lợn thịt hướng nạc	con	từ 150 trở lên	
4	Lợn đực giống ngoại	con	từ 2 trở lên	
5	Gia cầm sản xuất giống nuôi thường xuyên (không tính gia cầm dưới 7 ngày tuổi)	con	từ 300 trở lên	
C	THỦY SẢN			
1	Cá lồng	lồng	>30	Lồng có thể tích hữu ích từ 9m ³ trở lên
2	Cá ruộng	ha	>3	
3	Cá nuôi ở eo ngách lồng hồ thủy điện Tuyên Quang	ha/eo ngách	>3	

Phụ lục II
QUY MÔ DỰ ÁN
Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trong vùng
sản xuất hàng hoá tập trung

TT	Loại cây trồng,	ĐVT	Quy mô của dự án trong vùng sản xuất	Điều kiện khác
A	CÂY TRỒNG			
1	Cây lạc	ha	>10	Nhóm hộ
2	Cây đậu tương	ha	>10	
3	Cây cam	ha	>5	Hộ, cá nhân thuộc dự án có từ 0,5 ha trở lên
4	Cây bưởi	ha	> 5	
5	Cây chuối	ha	>25	Nhóm hộ
6	Rau	ha	>5	Nhóm hộ
7	Cây lúa chất lượng	ha	>50	
B	VẬT NUÔI			
1	Giống lợn nái sinh sản	con	từ 30 trở lên	Chủ đầu tư phải nuôi theo hình thức tập trung không hỗ trợ theo nhóm hộ
2	Giống trâu, bò	con	từ 15 trở lên	
3	Lợn thịt hướng nạc	con	từ 150 trở lên	
4	Lợn đực giống ngoại	con	từ 2 trở lên	
5	Gia cầm sản xuất giống nuôi thường xuyên (không tính gia cầm dưới 7 ngày tuổi)	con	từ 300 trở lên	
C	THỦY SẢN			
1	Cá lồng	lồng	30 đến 100	Hộ, cá nhân vùng sản xuất hàng hóa tập trung có từ 3 lồng cá trở lên
2	Cá ruộng	ha	3 đến 20	Hộ, cá nhân thuộc dự án có từ 0,5 ha trở lên liền khoảnh
3	Cá nuôi ở eo ngách lồng hồ thủy điện Tuyên Quang	ha/eo ngách	3 đến 10	

Số: 13 /2009/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày 23 tháng 7 năm 2009

NGHỊ QUYẾT

**Quy định về cơ chế, chính sách hỗ trợ các dự án chuyển đổi cơ cấu
cây trồng, vật nuôi trong vùng sản xuất hàng hoá tập trung đến năm 2015**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
KHOÁ XVI, KỲ HỌP THỨ 12**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003; Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 151/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước; Nghị định số 106/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 9 năm 2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2006/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 100/2008/QĐ-TTg ngày 15 tháng 7 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 719/2008/QĐ-TTg ngày 05 tháng 6 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 30/2006/TTLT-BTC-BNN&PTNT-BTS ngày 06 tháng 4 năm 2006 của liên Bộ: Bộ Tài Chính - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Thủy sản về việc hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp kinh tế đối với hoạt động khuyến nông, khuyến ngư; Thông tư liên tịch số 50/2007/TTLT - BTC - BNN&PTNT - BTS ngày 21 tháng 5 năm 2007 của liên Bộ: Bộ Tài chính - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Thủy sản về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 30/2006/TTLT - BTC - BNN&PTNT-BTS;

Xét Tờ trình số 29/TTr-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh về cơ chế, chính sách hỗ trợ các dự án chuyển đổi cơ cấu cây trồng,

vật nuôi trong vùng sản xuất hàng hoá tập trung đến năm 2015; Báo cáo thẩm tra số 30/BC-KTNS₁₆ ngày 17 tháng 7 năm 2009 của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Quy định về cơ chế, chính sách hỗ trợ các dự án chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trong vùng sản xuất hàng hoá tập trung đến năm 2015 (có Quy định kèm theo).

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai, tổ chức thực hiện Nghị quyết này có hiệu quả.

Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XVI kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 23 tháng 7 năm 2009./.

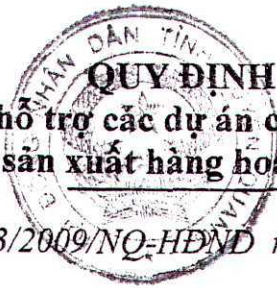
Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã;
- Các Sở, ban, ngành liên quan;
- Chánh, Phó VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, CV.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Sáng Vang



Về cơ chế, chính sách hỗ trợ các dự án chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trong vùng sản xuất hàng hoá tập trung đến năm 2015

(Kèm theo Nghị quyết số 13/2009/NQ-HĐND ngày 23/7/2009 của HĐND tỉnh)

1. Phạm vi áp dụng

Cây trồng, vật nuôi có tiềm năng, lợi thế phát triển của tỉnh được sản xuất trong vùng sản xuất hàng hoá tập trung, có thị trường tiêu thụ và được cấp thẩm quyền phê duyệt quy hoạch hoặc kế hoạch phát triển (danh mục cây trồng, vật nuôi tại Phụ lục I kèm theo Quy định này).

2. Đối tượng áp dụng

Là các hộ gia đình, nhóm hộ, cá nhân, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh, Hợp tác xã, tổ hợp tác (sau đây gọi chung là các tổ chức, cá nhân) tổ chức sản xuất một số loại cây trồng, vật nuôi có tiềm năng, lợi thế phát triển tại vùng sản xuất hàng hoá tập trung theo quy hoạch, kế hoạch được duyệt.

3. Điều kiện được hưởng chính sách

Các tổ chức, cá nhân sản xuất cây trồng, vật nuôi trong vùng sản xuất hàng hoá tập trung được hưởng chính sách tại Quy định này phải có đủ các điều kiện sau:

3.1- Có dự án chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trong vùng sản xuất hàng hoá tập trung được Ủy ban nhân dân huyện, thị xã phê duyệt.

3.2- Có hồ sơ xin hỗ trợ được Trưởng thôn, xóm, bản, tổ nhân dân và Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác nhận.

3.3- Quy mô dự án sản xuất hàng hoá tập trung cho từng cây trồng, vật nuôi theo danh mục tại Phụ lục II kèm theo Quy định này.

4. Những nội dung không nêu trong Quy định này được thực hiện theo các chính sách, pháp luật hiện hành của Nhà nước.

5. Về quy hoạch

Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối ngân sách địa phương hàng năm hỗ trợ kinh phí cho công tác lập quy hoạch chi tiết các vùng sản xuất hàng hoá tập trung.

6. Về đất đai

6.1- Khuyến khích người sản xuất dồn điền đổi thửa, thuê đất, chuyển nhượng đất, tích tụ ruộng đất theo quy định của Luật Đất đai để hình thành vùng sản xuất tập trung phù hợp với định hướng phát triển sản xuất của địa phương,

quy hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Được ưu tiên trong giải quyết các thủ tục chuyển đổi, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

6.2- Các tổ chức, cá nhân được sử dụng giá trị quyền sử dụng đất, tài sản trên đất được giao để sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật.

6.3- Các tổ chức, cá nhân xin thuê đất hoặc giao đất để sản xuất cây trồng, vật nuôi trong vùng sản xuất hàng hoá tập trung được hưởng mức ưu đãi cao nhất về tiền sử dụng đất, giá thuê đất theo quy định hiện hành.

7. Hỗ trợ đầu tư

7.1- Về cây trồng: Hỗ trợ 60% giá trị giống, cụ thể cho từng loại cây trồng sau:

a) Cây lạc, đậu tương, rau: hỗ trợ một lần cho sản xuất vụ đầu. Mức hỗ trợ tối đa cho cây lạc 3.000.000 đồng/ha; cây đậu tương 800.000 đồng/ha; rau (khoai tây 6.500.000 đồng/ha, cà chua 3.000.000 đồng/ha, rau khác 1.000.000 đồng/ha).

b) Cây cam, bưởi, gấc: hỗ trợ một lần đối với trồng mới cho sản xuất vụ đầu. Mức hỗ trợ tối đa cho cây cam, bưởi là 3.500.000 đồng/ha, cây gấc là 1.000.000 đồng/ha.

7.2- Về vật nuôi: hỗ trợ một lần cho tổ chức, cá nhân chăn nuôi trong vùng sản xuất hàng hóa tập trung, cụ thể:

a) Chăn nuôi lợn: hỗ trợ 20% giá trị giống lợn nái sinh sản hướng nạc. Mức hỗ trợ tối đa 500.000 đồng/con.

b) Chăn nuôi trâu, bò:

- Hỗ trợ kinh phí giám định, bình tuyển chất lượng đàn trâu, bò đực; trâu, bò cái sinh sản phục vụ công tác cải tạo, nâng cao chất lượng đàn trâu, bò. Mức hỗ trợ 10.000 đồng/con.

- Hỗ trợ 20% giá trị trâu, bò đực giống mua từ ngoài vùng dự án (trâu đực giống đạt xếp cấp tổng hợp cấp I; bò đực giống đạt đặc cấp kỷ lục). Mức hỗ trợ tối đa 5.000.000 đồng/con.

7.3- Về nuôi trồng thủy sản:

a) Đối với nuôi thủy sản bằng lồng trên mặt nước lớn (sông, hồ thủy điện Tuyên Quang, hồ thủy lợi lớn trên 02 ha). Hỗ trợ một lần 30% giá trị về giống, mức hỗ trợ tối đa 300.000 đồng/lồng.

b) Đối với nuôi cá ruộng: hỗ trợ một lần 30% giá trị về giống cho sản xuất vụ đầu. Mức hỗ trợ tối đa 3.000.000 đồng/ha.

c) Đối với nuôi cá ở eo ngách trên hồ thủy điện Tuyên Quang (có diện tích mặt thoáng từ 03 ha trở lên): hỗ trợ một lần 30% giá trị về giống, mức hỗ trợ tối đa 3.000.000 đồng/ha mặt thoáng.

7.4- Về thiệt hại do sâu bệnh, dịch bệnh, thiên tai

Nhà nước hỗ trợ một lần cho tổ chức, cá nhân thực hiện dự án chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trong vùng sản xuất hàng hoá tập trung bị thiệt hại do sâu bệnh, dịch bệnh, thiên tai (được cơ quan có thẩm quyền xác định thiệt hại), cụ thể như sau:

a) Đối với cây trồng

- Trường hợp cây trồng (lạc, đậu tương và rau theo dự án được duyệt) trong vùng sản xuất hàng hoá tập trung bị thiên tai, sâu bệnh làm thiệt hại trên 50% diện tích và mức thiệt hại giảm trên 50% năng suất (so với năng suất bình quân cùng kỳ năm trước trên địa bàn tỉnh) thì được hỗ trợ giá trị giống cho diện tích bị thiệt hại như điểm a, khoản 7.1, Mục 7, Quy định này.

- Trường hợp cây trồng (cam, bưởi, gấc) trong giai đoạn thu hoạch: đối với diện tích bị thiên tai, sâu bệnh làm thiệt hại trên 50% sản lượng (so với sản lượng thu hoạch cùng kỳ năm trước) thì được hỗ trợ 40% giá trị phân bón (đạm, lân, kali, vôi) và thuốc bảo vệ thực vật cho việc chăm sóc trong năm sản xuất tiếp theo. Mức hỗ trợ tối đa:

+ Cây cam, bưởi 4.000.000 đồng/ha.

+ Cây gấc 2.500.000 đồng/ha.

Tổng mức hỗ trợ cho một dự án được phê duyệt tối đa không quá 10.000.000 đồng.

b) Đối với vật nuôi

Trường hợp vùng chăn nuôi gia súc hàng hoá tập trung bị dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm (có công bố dịch) phải tiêu huỷ bắt buộc, thực hiện hỗ trợ theo Quyết định 719/QĐ-TTg ngày 05 tháng 6 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm.

c) Đối với thủy sản

Trường hợp vùng nuôi thủy sản hàng hoá tập trung bị thiên tai, dịch bệnh không cho thu hoạch thì được hỗ trợ giá trị về giống, như hỗ trợ tại khoản 7.3, Mục 7 Quy định này.

8. Về khuyến nông

Kinh phí tập huấn, chuyên gia tiến bộ kỹ thuật cho người sản xuất vận dụng theo mức hỗ trợ quy định tại Thông tư liên tịch số 30/2006/TTLT - BTC - BNN&PTNT - BTS ngày 06/4/2006 của liên Bộ: Tài chính - Nông nghiệp và PTNT - Thủy sản; Thông tư liên tịch số 50/2007/TTLT-BTC-BNN&PTNT-BTS ngày 21/5/2007 của liên Bộ: Tài Chính - Nông nghiệp và PTNT - Thủy sản về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 30/2006/TTLT -BTC-BNN&PTNT-BTS ngày 06/4/2006 về việc hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp kinh tế đối với hoạt động khuyến nông, khuyến ngư.

Số lượng người được tập huấn:

- Đối với dự án trồng trọt: Tối đa 10 người/ha;
- Đối với dự án chăn nuôi: 100% số chủ dự án và chủ hộ thực hiện dự án.

9. Về tín dụng

Dự án chuyên đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trong vùng sản xuất hàng hoá tập trung trên địa bàn tỉnh được vay vốn tín dụng đầu tư, bảo lãnh tín dụng đầu tư, hỗ trợ sau đầu tư theo quy định tại Nghị định 151/2006/NĐ-CP ngày 20/12/2006 của Chính phủ về tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu của nhà nước và Nghị định 106/2008/NĐ-CP ngày 19/9/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 151/2006/NĐ-CP ngày 20/12/2006.

10. Hỗ trợ xúc tiến thương mại

10.1- Hỗ trợ một lần 30% kinh phí xây dựng thương hiệu, đăng ký chất lượng sản phẩm (khi sản phẩm được công nhận). Mức hỗ trợ tối đa 50.000.000 đồng.

10.2- Hỗ trợ Ủy ban nhân dân huyện, thị xã 70% chi phí thuê gian hàng khi tham gia Hội chợ triển lãm, giới thiệu sản phẩm của vùng sản xuất hàng hóa tập trung trên địa bàn. Mức hỗ trợ tối đa 4.000.000 đồng/lần/năm đối với Hội chợ cấp tỉnh tổ chức, 10.000.000 đồng/lần/năm đối với Hội chợ ngoài tỉnh và quốc tế.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYẾN QUANG KHOÁ XVI, KỶ HỌP THỨ 12

Phụ lục I

DANH MỤC VÀ QUY MÔ

Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trong vùng sản xuất hàng hoá tập trung

TT	Loại cây trồng, vật nuôi	ĐVT	Quy mô vùng	Điều kiện khác
A	Cây trồng			
1	Cây lạc	ha	>50	
2	Cây đậu tương	ha	>50	
3	Cây cam	ha	>20	
4	Cây bưởi	ha	> 20	
5	Cây gấc	ha	>50	
6	Rau	ha	>20	
B	Vật nuôi			
1	Giống lợn nái sinh sản hướng nạc	con	>300	Khu sản xuất tập trung phải xa khu dân cư, không gây ô nhiễm môi trường
2	Trâu, bò cái sinh sản	con	>300	
C	Thủy sản			
1	Cá lồng	lồng	>30	Lồng có thể tích hữu ích từ 9m ³ trở lên
2	Cá ruộng	ha	>3	
3	Cá eo ngách lồng hồ thủy điện Tuyên Quang	ha/eo ngách	>3	

Phụ lục II

QUY MÔ DỰ ÁN Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trong vùng sản xuất hàng hoá tập trung

TT	Loại cây trồng, vật nuôi	ĐVT	Quy mô của dự án trong vùng sản xuất hàng hóa TT	Điều kiện khác
A	Cây trồng			
1	Cây lạc	ha	>10	Nhóm hộ
2	Cây đậu tương	ha	>10	
3	Cây cam	ha	>5	Hộ, cá nhân thuộc dự án có từ 0,5 ha trở lên
4	Cây bưởi	ha	> 5	
5	Cây gấc	ha	>20	Nhóm hộ
6	Rau	ha	>5	
B	Vật nuôi			
1	Giống lợn nái sinh sản hướng nạc	con	100 đến 300	Hộ, cá nhân thuộc dự án có từ 20 con trở lên
2	Trâu, bò cái sinh sản	con	100 đến 300	- Hộ, cá nhân thuộc dự án có từ 10 con trở lên - Chi hỗ trợ trâu, bò đực giống theo tỷ lệ đực/cái và quy mô dự án
C	Thủy sản			
1	Cá lồng	lồng	30 đến 100	Hộ, cá nhân vùng sản xuất hàng hóa tập trung có từ 3 lồng cá trở lên
2	Cá ruộng	ha	3 đến 20	Có từ 0,5 ha trở lên liền khoảnh
3	Cá eo ngách	ha/eo ngách	3 đến 10	

Số: 22 /2010/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày 27 tháng 12 năm 2010

NGHỊ QUYẾT

**Về cơ chế, chính sách bê tông hoá đường giao thông nông thôn
giai đoạn 2011 - 2015 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ 15**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002 và Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước.

Căn cứ Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khoá X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

Xét Tờ trình số 56/TTr-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về cơ chế, chính sách bê tông hoá đường giao thông nông thôn giai đoạn 2010 - 2015 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo thẩm tra số 46/BC-KTNS₁₆ ngày 21 tháng 12 năm 2010 của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua cơ chế, chính sách bê tông hoá đường giao thông nông thôn giai đoạn 2011 - 2015 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

Cơ chế, chính sách này áp dụng đối với các công trình đầu tư bê tông hóa đường giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2011 - 2015.

2. Đối tượng áp dụng

Toàn bộ các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh có đường giao thông nông thôn nhưng chưa được đầu tư nâng cấp và không thuộc các dự án đang được thụ hưởng từ các chương trình khác như chương trình 135, dự án RIDP...

3. Cơ chế, chính sách

Kinh phí thực hiện bê tông hoá đường giao thông nông thôn bao gồm hỗ trợ của nhà nước và nhân dân tự nguyện đóng góp theo phương châm nhà nước và nhân dân cùng làm, cụ thể như sau:

3.1. Ngân sách tính hỗ trợ:

- 100% xi măng; ống cống để xây dựng hệ thống thoát nước ngang (nếu có);
- Chi phí vận chuyển, bốc xếp xi măng và chi phí vận chuyển ống cống đến tổ nhân dân, thôn, xóm, bản đã có đường ô tô.

Đối với các thôn, xóm, bản chưa có đường ô tô đến trung tâm hỗ trợ chi phí vận chuyển, bốc xếp xi măng và chi phí vận chuyển ống cống đến trụ sở UBND xã hoặc địa điểm gần nhất đến các tổ nhân dân, thôn, xóm, bản ô tô có thể đi được.

- Kinh phí sử dụng cho công tác quản lý 02 triệu đồng/1km.

3.2. Đóng góp của nhân dân:

Giải phóng mặt bằng; huy động nhân dân đóng góp nhân công, thiết bị, công cụ lao động; đóng góp vật liệu đá, cát, sỏi, cấp phối đá dăm hoặc cấp phối sỏi sạn để thi công móng, mặt đường và công trình thoát nước theo hướng dẫn của ngành chuyên môn

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật và định kỳ báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XVI, kỳ họp thứ 15 thông qua ngày 27 tháng 12 năm 2010./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và đầu tư;
- Bộ Giao thông vận tải;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Các Sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh;
- Chánh, Phó VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Công báo Tuyên Quang;
- Lưu: VT, CV.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Vũ Quang Tiến